

Số: /QĐ-STP

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 lần 2 của Sở Tư pháp**

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP BẮC GIANG

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 30/4/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc công nhận Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

Theo đề nghị của Ban chỉ đạo ISO Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 lần 2 của Sở Tư pháp Bắc Giang (Có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 167/QĐ-STP ngày 26/12/2019 của Sở Tư pháp về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của Sở Tư pháp.

Điều 3. Thủ trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- BCD ISO tỉnh (b/c);
- Sở KH&CN;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, BCD.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Việt Hà

Phụ lục

DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH CỦA SỞ TƯ PHÁP ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015 LẦN 2 CỦA SỞ TƯ PHÁP (Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-STP ngày /6/2021 của Sở Tư pháp)

1. Quy trình chung của Hệ thống

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành
I	Thủ tục theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng		
1.	Chính sách chất lượng	C_SCL	01
2.	Mục tiêu chất lượng	MTCL	01
3.	Bản mô tả hệ thống quản lý chất lượng	BMT	01
4.	Quy trình Kiểm soát thông tin dạng văn bản	QT-01	01
5.	Quy trình Quản lý rủi ro, cơ hội	QT-02	01
6.	Quy trình Đánh giá nội bộ	QT-03	01
7.	Quy trình Kiểm soát sự không phù hợp	QT-04	01
8.	Quy trình Thực hiện hành động khắc phục	QT-05	01
9.	Quy trình Xem xét của lãnh đạo	QT-06	01
II	Quy trình nội bộ		
1	Quy trình tổ chức hội nghị	QT-01/VP	01
2	Quy trình quản lý văn bản đi và văn bản đến	QT-02/VP	01
3	Quy trình lưu trữ hồ sơ, tài liệu	QT-03/VP	01
4	Quy trình mua tài sản, trang thiết bị	QT-04/VP	01
5	Quy trình quản lý xe	QT-05/VP	01
6	Quy trình thi đua, khen thưởng	QT-06/VP	01
7	Quy trình thanh toán nội bộ	QT-07/VP	01
III	Quy trình giải quyết thủ tục hành chính		
	Lĩnh vực một cửa		
1	Quy trình tiếp nhận hồ sơ	QT-01/TTHC	01

2	Quy trình trả kết quả	QT-02/TTHC	01
Lĩnh vực Bổ trợ Tư pháp			
1	Quy trình đăng ký tập sự hành nghề công chứng	QT-01/CC	
2	Quy trình đăng ký lại tập sự hành nghề công chứng sau khi hết tập sự hành nghề công chứng	QT-02/CC	01
3	Quy trình thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ TCHCCC này sang TCHNCC khác trong cùng tỉnh	QT-03/CC	01
4	Quy trình thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tỉnh này sang tỉnh khác	QT-04/CC	01
5	Quy trình chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	QT-05/CC	01
6	Quy trình đăng ký tham gia dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	QT-06/CC	01
7	Quy trình cấp lại Thẻ công chứng viên	QT-07/CC	01
8	Quy trình thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự	QT-08/CC	01
9	Quy trình xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên	QT-09/CC	01
10	Quy trình thành lập Văn phòng công chứng	QT-10/CC	01
11	Quy trình đăng ký hoạt động văn phòng công chứng	QT-11/CC	01
12	Quy trình thay đổi nội dung Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	QT-12/CC	01
13	Quy trình hợp nhất Văn phòng công chứng	QT-13/CC	01
14	Quy trình đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	QT-14/CC	01
15	Quy trình sát nhập Văn phòng công chứng	QT-15/CC	01
16	Quy trình thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng sát nhập	QT-16/CC	01
17	Quy trình chuyển nhượng Văn phòng công chứng	QT-17/CC	01
18	Quy trình thay đổi nội dung Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng chuyển nhượng	QT-18/CC	01

19	Quy trình thành lập Hội đồng quản trị	QT-19/CC	01
Lĩnh vực Quản tài viên			
20	Quy trình đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	QT-01/QTV	01
21	Quy trình thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	QT-02/QTV	01
22	Quy trình đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	QT-03/QTV	01
23	Quy trình thay đổi thông tin đăng ký hành nghề Quản tài viên	QT-04/QTV	01
24	Quy trình thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	QT-05/QTV	01
Lĩnh vực Giám định tư pháp			
25	Quy trình cấp phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp	QT-01/GĐTP	01
26	Quy trình đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	QT-02/GĐTP	01
27	Quy trình thay đổi nội dung ĐKHD, cấp lại giấy ĐKHD của Văn phòng GĐTP	QT-03/GĐTP	01
28	Quy trình thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng GĐTP	QT-04/GĐTP	01
29	Quy trình chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	QT-05/GĐTP	01
30	Quy trình chấm dứt hoạt động của Văn phòng GĐTP trong trường hợp tự chấm dứt hoạt động	QT-06/GĐTP	01
31	Quy trình thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng GĐTP	QT-07/GĐTP	01
32	Quy trình cấp lại giấy đăng ký hoạt động Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng	QT-08/GĐTP	01
33	Quy trình cấp lại giấy đăng ký hoạt động Văn	QT-09/GĐTP	01

	phòng giám định tư pháp trong trường hợp giấy ĐKHD bị hư hỏng hoặc mất		
Lĩnh vực Luật sư			
34	Quy trình cấp giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	QT-01/LS	01
35	Quy trình đăng ký hoạt động chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	QT-02/LS	01
36	Quy trình đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty Luật nước ngoài	QT-03/LS	01
37	Quy trình đăng ký hoạt động Chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	QT-04/LS	01
38	Quy trình đăng ký hành nghề luật sư đối với tư cách cá nhân	QT-05/LS	01
39	Quy trình thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	QT-06/LS	01
40	Quy trình thay đổi người đại diện theo pháp luật của VPLS, Công ty luật TNHH 1 thành viên	QT-07/LS	01
41	Quy trình thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty luật TNHH 2 thành viên trở lên, Công ty luật hợp danh	QT-08/LS	01
42	Quy trình chuyển đổi công ty luật TNHH, Công ty luật hợp danh; chuyển đổi Văn phòng luật sư thành Công ty luật	QT-09/LS	01
43	Quy trình thay đổi nội dung Giấy ĐKHD của chi nhánh, Công ty luật nước ngoài	QT-10/LS	01
44	Quy trình đăng ký hoạt động của công ty Luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty Luật nước ngoài	QT-11/LS	01
45	Quy trình hợp nhất công ty luật	QT-12/LS	01
46	Quy trình sát nhập công ty luật	QT-13/LS	01
47	Quy trình cấp lại giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty Luật nước ngoài	QT-14/LS	01
Lĩnh vực tư vấn Luật			

48	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	QT-01/TVL	
49	Đăng ký hoạt động cho Chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	QT-02/TVL	
50	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh	QT-03/TVL	
51	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	QT-04/TVL	
52	Thu hồi Thẻ tư vấn viên pháp luật	QT-05/TVL	
53	Cấp lại Thẻ tư vấn viên pháp luật	QT-06/TVL	
Lĩnh vực trọng tài Thương mại			
54	Đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác.	QT-01/TVL	
55	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác.	QT-02/TVL	
56	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	QT-03/TVL	
57	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT-04/TVL	
58	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác.	QT-05/TVL	

59	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.	QT-06/TVL	
Lĩnh vực Thừa phát lại			
60	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	QT-01/TPL	
61	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	QT-02/TPL	
62	Đăng ký hành nghề và cấp thẻ Thừa phát lại	QT-03/TPL	
63	Cấp lại thẻ Thừa phát lại	QT-04/TPL	
64	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	QT-05/TPL	
65	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	QT-06/TPL	
66	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	QT-07/TPL	
67	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	QT-08/TPL	
68	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	QT-09/TPL	
69	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	QT-10/TPI	
70	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	QT-11/TPL	
71	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	QT-12/TPL	
72	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	QT-13/TPL	
Lĩnh vực Lý lịch tư pháp			
73	Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	QT-01/LLTP	01
74	Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội	QT-02/LLTP	01

	(đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)		
75	Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	QT-03/LLTP	
Lĩnh vực Quốc tịch			
76	Thủ tục Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	QT-01/QT	01
77	Thủ tục Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	QT-02/QT	01
78	Thủ tục Nhập quốc tịch Việt Nam	QT-03/QT	01
79	Thủ tục Thôi quốc tịch Việt Nam	QT-04/QT	01
80	Thủ tục Trở lại quốc tịch Việt Nam	QT-05/QT	01
Lĩnh vực Hộ tịch			
81	Thủ tục Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài	QT-01/HT	01
82	Thủ tục Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT-02/HT	01
Lĩnh vực Nuôi con nuôi			
83	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	QT-01/NCN	
84	Người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi	QT-02/NCN	
85	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	QT-03/NCN	
86	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	QT-04/NCN	
Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý			
87	Quy trình yêu cầu trợ giúp pháp lý	QT-01/TGPL	01
88	Quy trình thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	QT-02/TGPL	01

89	Quy trình đề nghị thanh toán chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý	QT-03/TGPL	01
90	Quy trình khiếu nại về việc từ chối thu lý vụ việc trợ giúp pháp lý; không thực hiện trợ giúp pháp lý; thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	QT-04/TGPL	01
91	Quy trình Công nhận và cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	QT-05/TGPL	01
92	Quy trình cấp cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	QT-06/TGPL	01
93	Quy trình thu hồi thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	QT-07/TGPL	01
Lĩnh vực Đấu giá			
94	Quy trình đấu giá tài sản không phải là quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất	QT-01/ĐGTS	01
95	Quy trình đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất	QT-02/ĐGTS	01
96	Quy trình cấp thẻ đấu giá viên	QT-03/ĐGTS	01
95	Quy trình cấp lại thẻ đấu giá viên	QT-04/ĐGTS	01
96	Quy trình đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá viên	QT-05/ĐG	01
99	Quy trình thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	QT-06/ĐG	01
100	Quy trình cấp lại giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	QT-07/ĐG	01
101	Quy trình đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	QT-08/ĐG	01
102	Quy trình phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình	QT-09/ĐG	01

	thức đấu giá trực tuyến		
103	Quy trình đăng ký tham dự kiểm tra kết quả, kiểm tra tập sự hành nghề đấu giá	QT-10/ĐG	01
<i>Lĩnh vực Bồi thường nhà nước</i>			
104	Quy trình xác định cơ quan giải quyết bồi thường	QT-01/BT	01
105	Quy trình giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT-02/BT	01
106	Quy trình trả lại tài sản	QT-03/BT	01
107	Quy trình chi trả tiền bồi thường	QT-04/BT	01
108	Quy trình phục hồi danh dự	QT-05/BT	01
<i>Lĩnh vực văn bản</i>			
109	Quy trình thẩm định văn bản QPPPL	QT-01/VB	01
110	Quy trình tự kiểm tra văn bản QPPPL	QT-02/VB	01